

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2026/HC- PT**

Ngày: 25/3/2026

V/v: “*kiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đặng Kim Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 247/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449A/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xóm A, thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị Kim P; địa chỉ: E T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh K).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn N1 - Giám đốc. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: B V, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vĩnh H - Giám đốc. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Đông S, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (nay là thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. (nay là thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Đức T (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

+ Bà Trần Thị Cẩm T1, sinh năm: 1979. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm: 2004. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Trần Thanh T3, sinh năm: 2011. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. (nay là thôn H, xã T, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng, người người khởi kiện là ông Nguyễn Đức D trình bày:***

Ông Nguyễn Đức D đại diện anh em gia đình khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với người bị kiện là UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T, ông yêu cầu: Hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4; Hủy Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4 và Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, để thực hiện dự án Đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua huyện T. Cụ thể như sau:

Ông không đồng ý toàn bộ nội dung Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện Dự án ven biển D - Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 1 xã N, huyện T; Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện T về việc bồi

thường, hỗ trợ chi tiết và Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4, vì:

- Ông sao lục Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 vào ngày 25/02/2025, mẹ ông là bà Trần Thị T4 đã chết vào ngày 12/12/2022, tài sản thừa kế lại cho các con nhưng quyết định của UBND huyện ban hành thu hồi đất của người đã chết là trái với quy định của pháp luật.

- Gia đình ông nhận Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho Trần Thị T4 là mẹ ruột ông đứng chủ hộ, nay bà Trần Thị T4 đã chết vào năm 2022, nhưng quyết định của UBND huyện ban hành lại bồi thường hỗ trợ cho người đã chết là trái với quy định của pháp luật; Phần đất có nhà ở gia đình ông bị thu hồi là do cha mẹ đã cho vợ chồng ông ở tại đây từ năm 2004, tuy nhiên khi nhà nước thu hồi vợ chồng ông mất diện tích 98,3m²/100m² không cấp tái định cư là không đúng, bồi thường giá trị quá thấp, ông yêu cầu bồi thường giá đất 3.000.000 đồng như các hộ khác nhưng UBND huyện không đáp ứng; ông không đồng ý nên đã có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện T nhưng vẫn chưa được thụ lý, xem xét giải quyết theo thẩm quyền, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà nói hết thời hạn khiếu nại.

- Đến ngày 23/10/2024, Chủ tịch UBND huyện T lại tiếp tục có quyết định số 5479/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4 là cố tình vi phạm pháp luật, vì mẹ ông bà T4 đã chết vào năm 2022, quyết định ban hành ra để cưỡng chế đối với người đã chết là trái với quy định của pháp luật. Việc ban hành quyết định cưỡng chế trong khi ông đã có đơn khiếu nại Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 chưa được xem xét thụ lý giải quyết mà lại tiếp tục ban hành quyết định cưỡng chế là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ và Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011.

Vì vậy, ông xét thấy cần phải hủy bỏ 03 quyết định trên để xem xét, giải quyết bằng một quyết định mới đúng pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thỏa đáng đúng theo nguyên tắc: Có thiệt hại thì phải bồi thường bằng hoặc lớn hơn giá trị bị thiệt hại; đến nơi ở mới phải tốt hơn hoặc bằng nơi bị thu hồi đất; cưỡng chế chỉ thực hiện khi đầy đủ các thủ tục pháp lý mà người có đất bị thu hồi đã được giải quyết khiếu nại thỏa đáng, không bàn giao mặt bằng; đặc biệt phải ưu tiên chính sách nhà ở, vì toàn bộ nhà ở ông bị thu hồi mà không tái định cư là không đúng quy định.

Về giá đất tính bồi thường, hỗ trợ về đất: Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 9, thôn T, xã N tại địa bàn trung tâm xã, nằm trên trục đường chính có vị trí thương mại cao, có nghĩa là nay Nhà nước thu hồi làm dự án phải trả lại cho gia đình ông

số tiền theo giá thị trường để ông có thể mua lại được mảnh đất có diện tích, vị trí tương đương (theo thị trường hiện nay trên 03 triệu đồng/m², nhà nước tính cho gia đình ông chỉ 0,8 triệu/m²); diện tích bị thu hồi là hết phần nhà ở của ông đang ở diện tích 98,3m² nhưng tính đền bù cho gia đình ông với giá trị 78.640.000 đồng là quá bất hợp lý, làm thiệt hại vô cùng lớn cho ông, thể hiện:

- Quyền sử dụng đất của gia đình ông không được pháp luật bảo hộ theo khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013.

- Cơ quan nhà nước tự đưa ra giá đất 0,8 triệu/m² nhỏ hơn rất nhiều so với giá thị trường, trong khi người dân bị thu hồi đất không được biết, tham gia về giá là không bảo đảm nguyên tắc “Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật” theo khoản 3 Điều 54 Hiến pháp năm 2013 của nước Việt Nam.

- Giá đất 0,8 triệu/m² không “phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường” theo điểm c khoản 1 Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 (Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất) mà giá đất phổ biến trên thị trường theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ là mức giá xuất hiện với tần suất nhiều nhất trong các giao dịch đã chuyển nhượng thành công trên thị trường.

- Giá đất 0,8 triệu/m² được xác định không tuân thủ nguyên tắc “độc lập, khách quan” theo khoản 3 Điều 115 Luật Đất đai năm 2013; đây là thể hiện ý chí của các cơ quan hành chính nhà nước chứ không phải là ý chí của thị trường.

- Quy trình xác định giá đất tính bồi thường không đảm bảo quy định tại Điều 28, 29, 30, 31, 32 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T8, trong đó không làm đúng, đủ các bước lập kế hoạch định giá đất cụ thể; chuẩn bị thực hiện định giá đất cụ thể; điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường; thẩm định phương án giá đất; hoàn thiện dự thảo phương án giá đất, trình UBND cấp tỉnh quyết định giá đất.

- Vị trí thửa đất bị giải tỏa thu hồi diện tích 98,3m² nằm ở vị trí trung tâm mua bán của xã, thửa đất bị thu hồi nằm trên 2 mặt diện của đường nhựa giá trị kinh tế cao trong việc kinh doanh mua bán, nhưng nhà nước đền bù quá thấp gần 100m² mà đền bù số tiền 78.640.000 đồng.

Về bố trí đất tái định cư: Vợ chồng ông bị mất đất diện tích 98,3m²/100m² không được bố trí đất tái định cư là vô lý, vì vợ chồng ông được cha mẹ cho diện tích 100m² để sinh sống bằng nghề làm lân và lòng đèn phục vụ trung thu, sinh sống trong ngôi nhà (gồm: 02 vợ chồng ông, 02 đứa con).

Việc UBND huyện T thu hồi đất và bồi thường tài sản bị thiệt hại do trúng đường, ngôi nhà chính của mẹ ông giao cho vợ chồng con cái em trai Nguyễn Đức Đ ở bị cắt mê một phần làm ảnh hưởng đến kết cấu của toàn bộ ngôi nhà, có khả

năng bị sập đổ. Gia đình ông đã có ý kiến yêu cầu đối với Ban Q1 xem xét đền bù phần nhà phía sau bị ảnh hưởng; ngày 18/11/2024 UBND huyện có đến hiện trường vào tại nhà ông xem xét và đo đạc tính toán bồi thường cho họ, 02 ngày sau có hai người đến đo đạc phần nhà mà gia đình ông yêu cầu nhưng mãi đến nay vẫn chưa thấy thông báo về bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà bị ảnh hưởng. Ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND huyện T mời anh em ông đến tham gia đối thoại, tại buổi đối thoại đại diện Chủ tịch UBND huyện kết luận “về phần bồi thường phần diện tích còn lại UBND huyện sẽ chỉ đạo ... kiểm tra lại thực tế hiện trạng và sẽ có văn bản trả lời cụ thể cho công dân trước ngày 22/11/2024”.

Đối với phần nhà riêng biệt của vợ chồng ông làm nằm trên diện tích 100m² được cha mẹ cho bị thu hồi, UBND huyện không xem xét đền bù riêng cho ông và đền bù với trị giá quá thấp so với giá tại thị trường gây thiệt hại cho gia đình ông. Việc anh em trai ông được cha mẹ giao nhà, đất cho hai anh em ở, mỗi phần đất trong thửa đất bị nhà nước thu hồi, họ hàng bà con và người dân xung quanh đều biết rõ có giấy xác nhận của bà Trần Thị H1, bà Trần Thị N2 và bà con trong xóm.

Cha mẹ ông là ông Nguyễn T5 (chết ngày 09/5/2021) và bà Trần Thị T4 (chết ngày 12/12/ 2022) cha mẹ sinh được 04 người con chung: Nguyễn Đức T, sinh năm 1976 (chết ngày 21/10/2022); Nguyễn Đức D, sinh năm 1977; Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Đông S, sinh năm 1980. Ngoài 04 người con này cha, mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện Dự án ven biển D-Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 1 xã N, huyện T.

- Hủy Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị Tuyết .

- Hủy Quyết định số 5479/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Tuyết .

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi phải cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện T tính giá đất bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Đức D bằng các hộ dân lân cận có nhà đất bị giải tỏa đền bù như ông Đỗ Tấn D1, bà Lê Thị T6, ông Nguyễn Tấn Đ1... theo giá 3.000.000đ/m².

- Hủy Quyết định số 1289 ngày 17/3/2025 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

****Tại văn bản số 1566/UBND ngày 09/6/2025, người bị kiện UBND, Chủ tịch UBND huyện T (cũ) trình bày:***

Qua quá trình kiểm tra hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và đối thoại với hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến vụ việc, cụ thể:

Ngày 17/3/2025, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4 (chết); đại diện thừa kế theo pháp luật gồm các ông (bà): ông Nguyễn Đức D; ông Nguyễn Đức Đ; bà Nguyễn Thị Đông S; ông Nguyễn Đức T (chết; thừa kế kế vị: ông Nguyễn Đức T2; bà Nguyễn Trần Thanh T3) và những người thừa kế khác (nếu có) để thực hiện Dự án Đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua huyện T (thay thế Quyết định số 5871/QĐ-UBND ngày 08/11/2024);

Vào sáng ngày 27/3/2025, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã đối thoại với các ông (bà): ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, địa điểm đối thoại tại trụ sở UBND xã N, huyện T. Tại buổi đối thoại, Ban thực hiện cưỡng chế đã giải thích, vận động các cá nhân liên quan chấp hành quy định, nhận tiền và bàn giao mặt bằng và trả lời các kiến nghị của công dân để hộ gia đình, cá nhân chấp hành để thực hiện dự án đảm bảo tiến độ. Tuy nhiên các ông (bà): ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S không thống nhất nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Theo quy định pháp luật, ngày 11/4/2025, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức cưỡng chế xong tại thửa đất số 373, tờ bản đồ số 09, xã N trong phạm vi GPMB để thực hiện dự án.

Do đó, UBND huyện nhận thấy các Quyết định của UBND huyện đã ban hành mà ông Nguyễn Đức D (con trai bà T4 đã chết) yêu cầu khởi kiện nêu trên là đảm bảo quy định.

**** Tại Văn bản số 152/TTPTQĐ ngày 19/6/2025, số 75/CNKVTN ngày 05/9/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực T trình bày:***

Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1 (đoạn qua địa bàn huyện T).

Thông báo thu hồi đất số 168/TB-UBND ngày 11/3/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện dự án Đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1.

Thông tin thửa đất:

Bà Trần Thị T4 (chết) đại diện thừa kế theo pháp luật gồm các ông (bà) có tên sau: ông Nguyễn Đức D; ông Nguyễn Đức Đ; bà Nguyễn Thị Đông S; ông Nguyễn Đức T7 (chết; thừa kế kế vị: ông Nguyễn Đức T2; bà Nguyễn Trần Thanh T3) và những người thừa kế khác (nếu có); Thửa đất số: 373; tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 212,6m²; Loại đất ONT, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã N, thu hồi diện tích 98,3m², thửa đất được UBND huyện T cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất ngày 06/6/20217; số phát hành: CC254466; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSD đất: CH05647. Theo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH K1 thực hiện, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thẩm định thuộc thửa đất số: 373; tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 2, diện tích 212,6m²; Loại đất ONT mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn.

Bồi thường, hỗ trợ về đất, vật kiến trúc:

Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp UBND xã N, BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh tiến hành kiểm kê và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Trần Thị T4 được UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 5) để thực hiện Đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1; đoạn qua xã N, huyện T tại Quyết định số 7102/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 với tổng số tiền là: 474.993.750 đồng. Cùng ngày 24/10/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Thửa đất số: 373; tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 212,6m²; Loại đất ONT, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã N, thu hồi diện tích 98,3 m².

Ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 7360/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 5) chi tiết cho bà Trần Thị T4 với tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 474.993.750 đồng. Trong đó: *Bồi thường về đất ở: 78.640.000 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu: 3.210.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: 373.839.870 đồng; hỗ trợ khác (tiền thuê nhà, di chuyển ...): 14.303.880 đồng; thưởng tháo dỡ nhà, vật kiến trúc: 5.000.000 đồng.*

Về tái định cư:

- Xét duyệt, giao đất tái định cư: Đối với bà Trần Thị T4 (chết) đại diện thừa kế theo pháp luật gồm các ông (bà) có tên sau: ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, ông Nguyễn Đức T (chết, thừa kế thế vị: ông Nguyễn Đức T2; bà Nguyễn Trần Thanh T3) và những người thừa kế khác (nếu có) thì diện tích thửa đất số 373 còn lại sau thu hồi là 114,3m² loại đất ONT; Căn cứ Điều 20, Điều 22 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì trường hợp thửa đất bà T4 bị thu hồi không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Như vậy, qua rà soát hồ sơ Trung tâm đã tính toán bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình là đảm bảo đúng, đủ theo quy định của Nhà nước; do đó nội dung hộ dân yêu cầu không có cơ sở xem xét.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ban Q công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; bà Trần Thị Cẩm T1, anh Nguyễn Đức T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3 quá trình tham gia tố tụng không nêu ý kiến trình bày.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S thống nhất ý kiến khởi kiện của ông Nguyễn Đức D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 83 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Q về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá số 2, bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng trong thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện dự án đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1, địa điểm xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, địa điểm xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1289 ngày 17/3/2025 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) phải cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện T tính giá đất bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Đức D bằng các hộ dân lân cận có nhà đất bị giải tỏa đền bù như ông Đỗ Tấn D1, bà Lê Thị T6, ông Nguyễn Tấn D1 theo giá 3.000.000đ/m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S có đơn kháng cáo; ngày 20/9/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Đức D có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo đều có nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Đức D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Vụ án đã được Toà án cấp sơ thẩm giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của đương sự và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng

các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Đông S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị Cẩm T1, anh Nguyễn Đức T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2025, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án; ông Nguyễn Đức D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện dự án đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1, địa điểm Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, địa điểm Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Các quyết định nêu trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện, đã được Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết xét xử sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 12/8/2025, ông Nguyễn Đức D có đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1289 ngày 17/3/2025 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) phải cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) tính giá đất bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Đức D bằng các hộ dân lân cận có nhà đất bị giải tỏa đền bù như ông Đỗ Tấn D1, bà Lê Thị T6, ông Nguyễn Tấn Đ1 theo giá 3.000.000đ/m².

Do các yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên có liên quan đến các Quyết định hành chính đã được thụ lý nên được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào giải quyết trong cùng vụ án nhằm đảm bảo giải quyết triệt để vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 173; khoản 3 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S đều kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D.

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023, quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T, HĐXX thấy rằng:

[2.1.1] Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện, bà Trần Thị T4 (mẹ của các ông bà: Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Đ và Nguyễn Thị Đông S), có thửa đất 373, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện T (cũ), loại đất ONT (bút lục 272) bị ảnh hưởng thu hồi đất tại Dự án xây dựng công trình đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1 (đoạn qua địa bàn huyện T cũ).

Ngày 11/3/2021, UBND huyện T ban hành Thông báo thu hồi đất số 168/TB-UBND thu hồi đất của bà Trần Thị T4, diện tích dự kiến thu hồi 99,4m² thuộc thửa đất 373, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện T (cũ), loại đất ONT (bút lục 295-296); Thông báo về thu hồi đất được niêm yết công khai tại UBND xã và kết thúc thời hạn niêm yết theo đúng quy định.

Ngày 25/3/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh K) ban hành Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ về kiểm kê hiện trạng để thực hiện Dự án đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1 (đoạn qua địa bàn huyện T). Ngày 12/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với địa phương và các ông bà: Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Thị Đông S, Trần Thị Cẩm T1 (con bà T4) kiểm kê, tự kê khai đất đai và tài sản thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất Dự án. Các ông bà kê khai thửa đất số 373, diện tích sử dụng 212,6m², diện tích quy hoạch bị thu hồi 98,3m², loại đất ONT.

Ngày 24/10/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7112/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4, diện tích thu hồi 98,3m², loại đất ONT thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 9, xã N.

Ngày 17/3/2025, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1289/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 7112/QĐ-UBND từ bà Trần Thị T4 sang bà Trần Thị T4 (chết), người thừa kế theo pháp luật gồm các ông bà có tên sau: Ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, ông Nguyễn Đức T (chết),

thừa kế thế vị: anh Nguyễn Đức T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3, bà Trần Thị Cẩm T1 và những người thừa kế khác nếu có.

[2.1.2] Như vậy, UBND huyện T ban hành quyết định số 7117/QĐ-UBND ngày 24/10/2023, quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 về việc thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4, những người thừa kế theo pháp luật của bà là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2.1.3] Quá trình khởi kiện, ông Nguyễn Đức D cho rằng UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất đối với mẹ ông khi mẹ ông đã chết là không đúng pháp luật; tuy nhiên, đối chiếu với tài liệu có tại hồ sơ, bà Trần Thị Tuyết C ngày 12/12/2022, ngày 24/10/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7112/QĐ-UBND thu hồi đất nhưng chưa xác định người kế thừa của bà T4 là chưa đảm bảo nhưng đến ngày 17/3/2025, UBND huyện T đã điều chỉnh tại Quyết định số 1289/QĐ-UBND; do đó về bản chất việc thu hồi đất là đảm bảo đúng đối tượng bị thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ để hủy 02 quyết định: Quyết định số 7112/QĐ-UBND và Quyết định số 1289/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

[2.2] *Xét yêu cầu hủy Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T, HĐXX thấy rằng:*

[2.2.1] Ngày 05/9/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T ban hành Thông báo số 87/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ đợt 5 để thực hiện Dự án; sau đó tiến hành niêm yết, kết thúc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án.

Trên cơ sở Tờ trình 227/TTr-TTPTQĐ ngày 17/10/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; Quyết định thu hồi đất số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023; UBND huyện T ban hành Quyết định số 7102/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ đợt 5 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1 đoạn qua huyện T.

Ngày 02/11/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7360/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4; ngày 17/3/2025, ban hành Quyết định số 1290/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 7260/QĐ-UBND từ bà Trần Thị T4 sang bà Trần Thị T4 (chết), người thừa kế theo pháp luật gồm các ông bà có tên sau: Ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, ông Nguyễn Đức T (chết), thừa kế thế vị: anh Nguyễn Đức

T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3, bà Trần Thị Cẩm T1 và những người thừa kế khác nếu có đối với diện tích 98,3m² thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 9, xã N.

Xét thấy, UBND huyện T ban hành quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; quyết định số 1290/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 7260/QĐ-UBND, bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, những người thừa kế theo pháp luật của bà là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2.2] Về nội dung quyết định:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện cho rằng: Việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T tại Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 là chưa đúng quy định; giá đất áp dụng bồi thường quá thấp, không phù hợp với giá thị trường, đề nghị áp giá 3.000.000 đồng/m², quy trình xác định giá đất tính bồi thường không đảm bảo quy định; không bố trí tái định cư đối với phần diện tích đất ông Nguyễn Đức D được mẹ là bà Trần Thị T4 cho để sinh sống; phần nhà của vợ chồng ông D nằm trên diện tích đất thu hồi nhưng không được bồi thường; không hỗ trợ tiền thuê nhà ở khi bị thu hồi đất là không đúng.

[2.2.2.1] Xét về áp giá bồi thường đất ở thì thấy, theo Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, những người thừa kế theo pháp luật của bà là 474.993.750 đồng, trong đó: bồi thường, hỗ trợ về đất ở là 78.640.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc là 373.839.870 đồng, bồi thường về cây cối, hoa màu là 3.210.000 đồng, hỗ trợ khác là 14.303.880 đồng, thưởng tháo dỡ là 5.000.000 đồng. Riêng đối với bồi thường về đất ở theo bảng kê chi tiết là đất ở nông thôn thuộc khu vực 1, vị trí 6, đơn giá 800.000đ/m².

Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

- Tại Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ban hành kèm theo Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1) cho ông Đỗ Tấn D1, bà Lê Thị T6 thì đất ở của ông D1, bà T6 thuộc vị trí 1 mức bồi thường về đất ở là 3.000.000đ/m² (BL 338-339)

- Tại Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ban hành kèm theo Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1) cho hộ

ông Nguyễn Tấn P1 thì đất ở của ông P1 thuộc vị trí 1 mức bồi thường về đất ở là 3.000.000đ/m² (BL 344-345)

- Tại Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ban hành kèm theo Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường ven biển D - S, giai đoạn IIa, thành phần 1) cho ông Nguyễn Tấn Đ1 thì đất ở của ông Đ1 thuộc khu vực 1, vị trí 6 mức bồi thường về đất ở là 3.000.000đ/m² (BL 341-342).

Trong khi diện tích đất bà T4 cũng có cùng khu vực 1, vị trí 6 nhưng bồi thường chỉ 800.000đ/m².

Như vậy, việc trong cùng một dự án, cùng khu vực 1, vị trí 6 thửa đất nhưng việc áp giá bồi thường đất ở cho bà Trần Thị T4 và những người thừa kế theo pháp luật của bà quá thấp so với những người khác là gây thiệt thòi và không đảm bảo công bằng khi áp dụng chính sách, pháp luật trên cùng địa bàn, thể hiện sự tùy tiện, không thống nhất trong việc đền bù giá đất. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và huỷ một phần Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T để người kế thừa của UBND huyện T xác định lại giá bồi thường và ban hành lại Quyết định bồi thường đất ở cho bà Trần Thị T4, những người thừa kế theo pháp luật của bà mới đảm bảo sự công bằng.

[2.2.2.2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là ngôi nhà do mẹ ông Nguyễn Đức D là bà Trần Thị T4 để lại cho ông Nguyễn Đức D, phần nhà riêng biệt của vợ chồng ông nằm trên diện tích 100m² mẹ ông cho ông không được bồi thường, nhận thấy:

Ngày 12/4/2021, đơn vị kiểm kê, cùng với thành viên gia đình ông Nguyễn Đức D tiến hành kiểm kê, tự kê khai đất đai và tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, trên cơ sở tự kê khai của gia đình ông Nguyễn Đức D, phần nhà ở theo bản vẽ hiện trạng nhà, vật kiến trúc (bút lục 223, 224, 267), có ký hiệu Nhà IIIB, diện tích 70,77m², đơn giá 4.045.000 đồng, bồi thường, hỗ trợ 100%; đồng thời, ngày 28/3/2025, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1562/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8, hộ bà Trần Thị T4 (những người thừa kế theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, bà Trần Thị Cẩm T1, anh Nguyễn Đức T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3) được bổ sung nhà N10, diện tích bị ảnh hưởng 40,19m², giá trị bồi thường 157.826.130 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức D cũng như các con bà T4 thống nhất với Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/3/2025, không ý kiến thắc mắc, nhưng do vướng việc lập thủ tục người đại diện cho bà Trần Thị Tuyết N3 các ông bà chưa cử được người đại diện để nhận nội dung bồi thường, hỗ trợ này. UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi của bà

Trần Thị Tuyết L đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các thành viên gia đình bà. Nội dung này Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[2.2.2.3] Về tái định cư

Thửa đất số 373, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 212,6m² bị thu hồi 98,3m² diện tích lại là 114,3m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đang đứng tên bà Trần Thị T4 (các người con chưa thực hiện việc kê khai di sản thừa kế. Hiện tại các chị, em, cháu của ông D vẫn chưa thống nhất việc phân chia tài sản thửa đất 373. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bị thu hồi và quy định của pháp luật thì hộ gia đình bà T4 (đã chết) và những người thừa kế của bà không đủ điều kiện cấp đất tái định cư theo qui định tại Điều 20, Điều 22 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định này thì trường hợp hộ gia đình bà T4 phải bị thu hồi từ 100m² đất ở trở lên mới cấp đất tái định cư. Do đó việc UBND huyện T không bố trí đất tái định cư cho các đồng thừa kế của bà T4 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức D cho rằng cha mẹ ông cho ông diện tích 100m² thuộc thửa đất số 373 từ năm 2004, đến năm 2019 mẹ ông có đi làm thủ tục tách thửa để chuyển tên cho ông D nhưng không được vì UBND huyện trả lời là đất đang có quy hoạch nên không thực hiện được thủ tục tách thửa. Tuy ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung này, đồng thời tại thời điểm thu hồi đất, ông cũng không cung cấp được văn bản tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 373, văn bản phân chia di sản thừa kế của thửa đất 373. Nhưng thực tế vợ chồng ông Nguyễn Đức D đã xây dựng nhà ở trên phần đất được cho này, có ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt (BL 348). Mặt khác, ngôi nhà của ông Nguyễn Đức D cũng đã được thực hiện việc bồi thường theo Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện T. Sau khi bị giải toả, gia đình ông Nguyễn Đức D phải thuê nhà của ông Đinh Văn R và bà Lê Thị B để ở, sinh hoạt. Tại phiên toà ông Nguyễn Đức D cũng khai rằng, việc vợ chồng ông D không có hộ khẩu thường trú tại căn nhà trên là do đã chuyển hộ khẩu thường trú lên nhà vợ của ông D để thuận lợi cho việc học hành của con cái, nhưng trên thực tế gia đình ông D vẫn ở ngôi nhà đã bị giải toả để làm nghề làm lán. Do đó việc bố trí đất tái định cư cho ông D cần được người kế thừa của UBND huyện T cân nhắc xem xét nhu cầu thực tế về chỗ ở, xác minh lại xem ông D đã có nhà ở tại địa phương hay chưa, có thật sự khó khăn về chỗ ở hay không vì diện tích bị thu hồi đất ở là 98,3m², chỉ thiếu 1,7m², trong khi Quyết định của UBND tỉnh Q quy định diện tích thu hồi từ 100m² đất ở trở lên thì được bố trí 01 lô đất tái định cư; đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế quỹ đất tái định cư của địa phương để xem xét nguyện vọng của ông D.

[2.3] *Xét yêu cầu hủy Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024, quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:*

Trong các ngày 22/11/2023, ngày 12/01/2024, ngày 05/4/2024, ngày 05/10/2024 và ngày 11/6/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Trần Thị T4 nhưng các thành viên gia đình bà không thống nhất cử người đại diện, ông Nguyễn Đức D không đồng ý nhận tiền, yêu cầu cấp đất tái định cư; không đồng ý bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Trên cơ sở báo cáo của UBND xã N tại Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 11/6/2024, Tờ trình số 259/TTr-TTPTQĐ ngày 07/10/2023 của Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện T. Ngày 23/10/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 5497/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị T4 (chết), người thừa kế theo pháp luật gồm các ông bà có tên sau: Ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S, ông Nguyễn Đức T (chết), thừa kế thế vị: anh Nguyễn Đức T2, chị Nguyễn Trần Thanh T3, bà Trần Thị Cẩm T1 và những người thừa kế khác nêu có là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về việc hủy Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024; quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế thu hồi đất.

[2.4] *Xét yêu cầu khởi kiện Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án là hành vi hành chính trái pháp luật; Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi phải cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D theo quy định của pháp luật; Buộc UBND huyện T tính giá đất bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Đức D; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Như đã nhận định ở phần trên, việc hủy một phần Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T để người kế thừa của UBND huyện T ban hành lại Quyết định để xác định lại giá bồi thường về đất ở (tiểu mục [2.2.2.1]). Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông

S; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về tính giá trị đất.

[4] Về án phí:

[4.1] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4.2] Do sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức D, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S và sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 83 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Q về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá số 2, bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng trong thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung nội dung tại Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T đối với nội dung bồi thường đất ở nông thôn.

- Buộc người kế thừa của UBND huyện T phải ban hành lại Quyết định thay thế Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho bà Trần Thị T4, địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung nội dung tại Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T theo quy định của pháp luật đối với nội dung bồi thường đất ở nông thôn.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của bà Trần Thị T4 để thực hiện dự án đường V - S, giai đoạn IIa, thành phần 1, địa điểm xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 7112/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T (UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) về việc không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND huyện T (nay UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi) phải cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức D theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

3.1. Về án phí sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Đức D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; được hoàn trả 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000447 ngày 24/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

3.2 Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Đông S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Ông Nguyễn Đức D được hoàn trả 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001768 ngày 23/10/2025; ông Nguyễn Đức Đ được hoàn trả 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001769 ngày 23/10/2025; bà Nguyễn

Thị Đông S được hoàn trả 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001776 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng